

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2026/DS-ST

Ngày 26 - 6 - 2026

*V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ

Ông Lê Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1038/2026/QĐXXST-DS ngày 19/5/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1065/2026/QĐST-DS ngày 10/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ CN Đ, A P, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T - Trưởng bộ phận Xử lý nợ pháp lý và bà Lê Hoàng L - Chuyên viên Xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị V1 và số 9275085/2025/TBKK/VPB ngày 22/12/2025 của Trưởng Phòng xử lý nợ). Bà L có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1973, địa chỉ: D Đ, Tổ D phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Hoàng L trình bày:**

Ngân hàng TMCP V cho bà Nguyễn Thị Bích H vay tổng số tiền 214.300.000đ (Hai trăm mười bốn triệu, ba trăm nghìn đồng), cụ thể:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ngày 13/10/2022: Số tiền vay/hạn mức 114.400.000đ, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn: 29%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Trả nợ gốc, lãi: hàng tháng và các điều khoản khác. Quá trình thực hiện hợp đồng, đã thanh toán tổng số tiền là: 86.593.367đ, trong đó: Nợ gốc 45.197.338đ, nợ lãi 41.396.029đ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 20/5/2024 nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

- Hợp đồng cho vay số LD2330800303 ngày 04/11/2023: Số tiền vay/hạn mức 99.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn: 30,5%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Trả nợ gốc, lãi: hàng tháng và các điều khoản khác. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán tổng số tiền là: 20.405.398đ, trong đó: Nợ gốc 4.075.558đ, nợ lãi 16.329.840đ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 19/6/2024 nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

V1 đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khoản vay này chúng tôi chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Tính đến ngày 26/6/2026, bà H còn nợ V1 số tiền là 310.069.357đ (Ba trăm mười triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc 165.077.104đ, nợ lãi trong hạn 2.101.558đ, nợ lãi quá hạn 142.890.695đ. Cụ thể:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ LD2229200352 ngày 13/10/2022: Nợ gốc 69.252.662đ, nợ lãi trong hạn 242.176đ, nợ lãi quá hạn 63.138.506đ.

- Hợp đồng cho vay số LD2330800303 ngày 04/11/2023: Nợ gốc 95.824.442đ, nợ lãi trong hạn 1.859.382đ, nợ lãi quá hạn 79.752.189đ.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích H thanh toán cho V1 tổng số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- **Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích H vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- **Về nội dung vụ án:** Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/ TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N; điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Bích H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 26/6/2026 là 310.069.357đ (Ba trăm mười triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc 165.077.104đ, nợ lãi trong hạn 2.101.558đ, nợ lãi quá hạn 142.890.695đ. Cụ thể:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ LD2229200352 ngày 13/10/2022: Nợ gốc 69.252.662đ, nợ lãi trong hạn 242.176đ, nợ lãi quá hạn 63.138.506đ.

- Hợp đồng cho vay số LD2330800303 ngày 04/11/2023: Nợ gốc 95.824.442đ, nợ lãi trong hạn 1.859.382đ, nợ lãi quá hạn 79.752.189đ.

Kể từ ngày 27/6/2026 bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

Về chi phí tố tụng, án phí: Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích H thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự; bà Nguyễn Thị Bích H có nơi cư trú tại D Đ, Tổ 46TKĐ phường T, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Bích H vay vốn tại Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 214.300.000đ (Hai trăm mười bốn triệu, ba trăm nghìn đồng), cụ thể:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ngày 13/10/2022: Số tiền vay/hạn mức 114.400.000đ, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn: 29%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Trả nợ gốc, lãi: hàng tháng và các điều khoản khác.

- Hợp đồng cho vay số LD2330800303 ngày 04/11/2023: Số tiền vay/hạn mức 99.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn: 30,5%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Trả nợ gốc, lãi: hàng tháng và các điều khoản khác.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng nêu trên thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

Quá trình thực hiện Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 13/10/2022, bà H đã thanh toán tổng số tiền là: 86.593.367đ, trong đó: Nợ gốc 45.197.338đ, nợ lãi 41.396.029đ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 20/5/2024. Còn Hợp đồng cho vay số LD2330800303 ngày 04/11/2023, bà H đã thanh toán tổng số tiền là: 20.405.398đ, trong đó: Nợ gốc 4.075.558đ, nợ lãi 16.329.840đ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 19/6/2024. V1 đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khoản vay này V1 chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Xét, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, là người có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền nợ. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bà H phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 26/6/2026 là 310.069.357đ (Ba trăm mười triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc 165.077.104đ, nợ lãi trong hạn 2.101.558đ, nợ lãi quá hạn 142.890.695đ. Cụ thể:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ LD2229200352 ngày 13/10/2022: Nợ gốc 69.252.662đ, nợ lãi trong hạn 242.176đ, nợ lãi quá hạn 63.138.506đ.

- Hợp đồng cho vay số LD2330800303 ngày 04/11/2023: Nợ gốc 95.824.442đ, nợ lãi trong hạn 1.859.382đ, nợ lãi quá hạn 79.752.189đ.

Kể từ ngày 27/6/2026 bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ngày 13/10/2022, Hợp đồng cho vay số LD2330800303 ngày 04/11/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn V1 được chấp nhận nên bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị Bích H.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 26/6/2026 là 310.069.357đ (Ba trăm mười triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc 165.077.104đ, nợ lãi trong hạn 2.101.558đ, nợ lãi quá hạn 142.890.695đ. Cụ thể:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ LD2229200352 ngày 13/10/2022: Nợ gốc 69.252.662đ, nợ lãi trong hạn 242.176đ, nợ lãi quá hạn 63.138.506đ.

- Hợp đồng cho vay số LD2330800303 ngày 04/11/2023: Nợ gốc 95.824.442đ, nợ lãi trong hạn 1.859.382đ, nợ lãi quá hạn 79.752.189đ.

Kể từ ngày 27/6/2026 bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ngày 13/10/2022, Hợp đồng cho vay số LD2330800303 ngày 04/11/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 15.503.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm lẻ ba nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.527.471đ (Sáu triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi một đồng) theo biên lai thu số 0001041 ngày 29/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26/6/2026; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Diệp

